

Mẫu số 09  
Mã hiệu:.....  
Số:.....

**BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG**  
(Kèm theo Giấy rút dự toán số: CK/185 ngày 22 tháng 09 năm 2021)

Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh  
2. Mã đơn vị: 1058083  
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị tại ngân hàng thương mại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Lý Thường Kiệt

**I. Nội dung đề nghị thanh toán:**

Đơn vị: đồng

| STT      | Họ và tên                           | Tài khoản Ngân hàng |               | Tổng số    | Trong đó:                   |                                 |                         |             |                              |                                          |               | Ghi chú |
|----------|-------------------------------------|---------------------|---------------|------------|-----------------------------|---------------------------------|-------------------------|-------------|------------------------------|------------------------------------------|---------------|---------|
|          |                                     | Tài khoản           | Tên Ngân hàng |            | Lương và phụ cấp theo lương | Tiền công lao động thường xuyên | Tiền thu nhập tăng thêm | Tiền thưởng | Tiền phụ cấp và trợ cấp khác | Tiền khoán (Khoản công tác phí T09/2021) | Tiền học Bổng |         |
| 1        | 2                                   | 3                   |               | 4          | 5                           | 6                               | 7                       | 8           | 9                            | 10                                       | 11            | 12      |
|          | Tổng số                             |                     |               | 10.500.000 |                             |                                 |                         |             |                              | 10.500.000                               |               |         |
| <b>I</b> | <b>Đối với Công chức, viên chức</b> |                     |               | 10.500.000 |                             |                                 |                         |             |                              | 10.500.000                               |               |         |
| 1        | Lâm Viết Dũng                       | 1603215002237       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 2        | Lưu Hoàng Hải Yến                   | 1603205353720       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 3        | Huỳnh Thị Minh Ly                   | 1603205185719       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 4        | Phan Thị Ngọc Phượng                | 1603205186162       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 5        | Nguyễn Kinh                         | 1603205457393       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 6        | Nguyễn Thị Kim Dung                 | 1603205182336       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 7        | Nguyễn Thị Hồng Thắm                | 1603205372861       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 8        | Trương Thị Hồng                     | 1603205186603       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 9        | Võ Thị Lệ Trân                      | 1603205185357       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 10       | Trần Thị Minh Thoa                  | 1603205178873       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 11       | Hồng Mộng Tuyết Dung                | 1603205203183       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 12       | Nguyễn Thị Minh Thùy                | 1603215003650       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 13       | Vũ Như Quỳnh                        | 1603205186127       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 14       | Trần Thị Ánh Phượng                 | 1603205246134       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |

| STT       | Họ và tên                                               | Tài khoản Ngân hàng |               | Tổng số    | Trong đó:                   |                                 |                         |             |                              |                                          |               | Ghi chú |
|-----------|---------------------------------------------------------|---------------------|---------------|------------|-----------------------------|---------------------------------|-------------------------|-------------|------------------------------|------------------------------------------|---------------|---------|
|           |                                                         | Tài khoản           | Tên Ngân hàng |            | Lương và phụ cấp theo lương | Tiền công lao động thường xuyên | Tiền thu nhập tăng thêm | Tiền thưởng | Tiền phụ cấp và trợ cấp khác | Tiền khoán (Khoản công tác phí T09/2021) | Tiền học Bổng |         |
| 1         | 2                                                       | 3                   |               | 4          | 5                           | 6                               | 7                       | 8           | 9                            | 10                                       | 11            | 12      |
| 15        | Nguyễn Thị Bích Liễu                                    | 1603205249292       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 16        | Nguyễn Văn Chì                                          | 1603205280047       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 17        | Nguyễn Thị Vân                                          | 1603205545491       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 18        | Nguyễn Cao Thắng                                        | 1603205431614       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 19        | Nguyễn Thụy Nghiêm                                      | 1603205643427       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 20        | Huỳnh Như Ý                                             | 1603205669358       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| 21        | Trần Thị Thảo Vân                                       | 1603205341982       | NH Agribank   | 500.000    |                             |                                 |                         |             |                              | 500.000                                  |               |         |
| II        | Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP) |                     |               |            |                             |                                 |                         |             |                              |                                          |               |         |
| III       | Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng             |                     |               |            |                             |                                 |                         |             |                              |                                          |               |         |
| Tổng cộng |                                                         |                     |               | 10.500.000 |                             |                                 |                         |             |                              | 10.500.000                               |               |         |

Số tiền bằng chữ: Mười triệu năm trăm ngàn đồng.

## II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Người lập



Huỳnh Như Ý

Kế toán trưởng



Nguyễn Kính

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm 2021



Hiệu trưởng

Phạm Hữu Lộc

Chuyên viên kiểm soát chi/ giao dịch viên  
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm 2021

Giáo đốc kho bạc nhà nước Tân Bình  
(Ký, họ tên, đóng dấu)